

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **234/2021/DS-ST**;

Ngày: 25/11/2021;

V/v tranh chấp “Hợp đồng  
vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO – TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Lĩnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Hoàng Hoa

Ông Nguyễn Phúc Viễn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Thơm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:**  
Ông Đỗ Huỳnh Thanh Tân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 03 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 142/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 19/TB-TA ngày 09 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Trần T, sinh năm 1977 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 158 Ô 3, Khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Chiến Q, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Chị Lê Thị Mộng T1, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai đề ngày 01/3/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Trần T trình bày:*

Do quen biết nên vợ chồng anh Nguyễn Chiến Q và chị Lê Thị Mộng T1 có mượn của anh T số tiền 300.000.000 đồng để làm ăn, hai bên có làm biên nhận

ngày 09/12/2018, thỏa thuận miệng lãi suất 1%/tháng. Anh T đồng ý cho anh Q chị T1 trả dần mỗi tháng 10.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

Sau đó, anh Q, chị T1 có trả cho anh T được 4 lần, cụ thể:

- Lần 1: ngày 13/01/2019 trả 5.000.000đồng;
- Lần 2: Ngày 01/02/2019 trả 5.000.000đồng;
- Lần 3: Ngày 10/3/2019 trả 5.000.000đồng;
- Lần 4: Ngày 15/4/2019 trả 5.000.000đồng;

Tổng cộng trả được 20.000.000đồng.

Các lần trả tiền, anh Q và chị T1 không trả đúng theo hai bên đã thỏa thuận mỗi tháng trả 10.000.000đồng mà chỉ trả có 5.000.000đồng, nhưng anh T vẫn thông cảm do anh Q và chị T1 làm ăn khó khăn. Tuy nhiên kể từ ngày 15/4/2019 đến nay anh Q và chị T1 không trả thêm cho anh T khoản tiền nào và cố tình tránh mặt dù anh T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả tiền.

Do đó, anh T yêu cầu anh Q, chị T1 trả cho anh T số tiền mà anh Q, chị T1 đã mượn còn nợ là 280.000.000 đồng và lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 01/5/2019 đến ngày Tòa xét xử. Yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 24/11/2021, tại Đơn xin giải quyết vắng mặt, anh T yêu cầu anh Q, chị T1 trả cho anh số tiền còn nợ là 280.000.000 đồng, đối với tiền lãi tính từ ngày 01/5/2019 đến ngày 25/11/2021, nhưng anh chỉ yêu cầu tính tròn 30 tháng, với lãi suất 0,83%/tháng thành tiền là 67.720.000đồng, tổng cộng là 349.720.000đồng.

*Bị đơn anh Nguyễn Chiến Q, chị Lê Thị Mộng T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Q, chị T1 không đến tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, riêng bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Về nội dung giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Trần T yêu cầu anh Nguyễn Chiến Q, chị Lê Thị Mộng T1 trả số tiền vốn vay là lãi tổng cộng là 349.720.000đồng (*Ba trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng*), trong đó (tiền vốn là 280.000.000đồng và tiền lãi là 69.720.000đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:*

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết; Sự có mặt, vắng mặt của đương sự; Thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện; Thời hạn, thời hiệu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trần T thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C;

Xét nguyên đơn anh Nguyễn Trần T có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Chiến Q, chị Lê Thị Mộng T1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Q, chị T1 vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T, anh Q và chị T1.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trần T, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 09/12/2018, anh Nguyễn Trần T có cho anh Nguyễn Chiến Q, chị Lê Thị Mộng T1 vay số tiền 300.000.000 đồng, để làm ăn, anh Q có viết và ký tên vào Giấy mượn tiền ngày 09/12/2018, trong Giấy mượn tiền không có thỏa thuận lãi suất, mà chỉ thỏa thuận miệng là 1%/tháng. Anh T đồng ý cho anh Q, chị T1 trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Sau khi vay, anh Q, chị T1 có trả cho anh T tổng cộng 20.000.000 đồng. Các lần trả tiền, anh Q và chị T1 không trả đúng như hai bên đã thỏa thuận mà chỉ trả cho anh T mỗi tháng có 5.000.000 đồng (Cụ thể, phía sau Giấy mượn tiền có chữ ký của chị T1 ký tên xác nhận trả nợ : Lần 1: ngày 13/01/2019 trả 5.000.000 đồng, lần 2: Ngày 01/02/2019 trả 5.000.000 đồng; Lần 3: Ngày 10/3/2019 trả 5.000.000 đồng; Lần 4: Ngày 15/4/2019 trả 5.000.000 đồng), nhưng anh T vẫn thông cảm do anh Q và chị T1 làm ăn khó khăn. Tuy nhiên kể từ ngày 15/4/2019 đến nay anh Q và chị T1 không trả thêm cho anh T khoản tiền nào nữa, anh T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả tiền, nhưng anh Q, chị T1 cố tình tránh mặt.

Do đó, anh T yêu cầu anh Q, chị T1 trả cho anh T số tiền mà anh Q, chị T1 đã mượn còn nợ là 280.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình anh T có cung cấp cho Tòa án Giấy mượn tiền ngày 09/12/2018 do anh Q viết và ký tên.

Phía anh Q, chị T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Q, chị T1 không đến Tòa án cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa, cho thấy anh Q, chị T1 đã từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa anh T và anh Q, chị T1 đã xác lập một hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Phía anh Q, chị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc anh Q, chị T1 có trách nhiệm trả nợ cho anh T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc

anh Q, chị T1 trả cho anh T số tiền 280.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu tính lãi: Tại đơn khởi kiện, anh T yêu cầu anh Q, chị T1 trả lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01/5/2019 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Xét thấy, phía anh T cho rằng, anh cho anh Q, chị T1 vay với lãi suất 1%/tháng, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất. Do đó, Tòa án xác định đây là hợp đồng vay không lãi suất. Tuy nhiên anh Q chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ vào đơn khởi kiện, giữa anh T và anh Q thỏa thuận anh Q sẽ trả cho anh T mỗi tháng 10.000.000đồng (trả vào ngày 9 dương lịch hàng tháng) cho đến khi hết nợ. Tính đến ngày 15/4/2019, phía anh Q, chị T1 đã trả cho anh T được 20.000.000đồng, mỗi lần trả 5.000.000đồng, tuy việc trả tiền không đúng như hai bên đã thỏa thuận, nhưng được phía anh T chấp nhận. Như vậy số tiền anh Q, chị T1 còn nợ anh T số tiền 280.000.000đồng, và phải có nghĩa vụ trả cho T mỗi tháng 10.000.000đồng vào ngày 9 dương lịch hàng tháng. Từ ngày 09/5/2019 đến nay, anh Q, chị T1 không trả tiền cho anh T nữa, do đó anh T yêu cầu tính lãi từ ngày 01/5/2019 là chưa phù hợp. Tuy nhiên tại Đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 24/11/2021, anh T yêu cầu tính lãi từ ngày 01/5/2019 đến ngày 25/11/2021, nhưng chỉ yêu cầu tính tròn 30 tháng với số tiền là 69.720.000đồng (cách tính như sau: số tiền vốn 280.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 30 tháng = 69.720.000đồng), như vậy là đã có lợi cho phía bị đơn, nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của anh T về việc yêu cầu anh Q, chị T1 có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho anh T xét thấy: Tuy Giấy mượn nợ chỉ có anh Q ký tên, nhưng mặt sau của Giấy mượn tiền có chị T1 ký tên xác nhận trả tiền của 4 lần. Phía anh T cũng cho rằng anh cho anh Q, chị T1 mượn tiền để làm ăn. Ngoài ra, tại Biên bản xác minh ngày 18/5/2021 tại Công an xã Đ, huyện C, xác định anh Q và chị T1 là vợ chồng. Do đó, căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì anh Q, chị T1 có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho anh T.

Về thời gian trả tiền: Anh T yêu cầu anh Q, chị T1 trả số tiền vốn và lãi cho anh khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở vì phía anh Q, chị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh T nên Hội đồng xét xử buộc anh Q, chị T1 trả cho anh T số tiền vốn và lãi tổng cộng là 349.720.000đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của anh Nguyễn Trần T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh Nguyễn Chiến Q và chị Lê Thị Mộng T1 phải chịu án phí theo quy định.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 227, 228, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự.
- Căn cứ vào Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

### **Xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Trần T.

Buộc anh Nguyễn Chiến Q và chị Lê Thị Mộng T1 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Trần T số tiền 349.720.000đồng (*Ba trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng*), trong đó (tiền vốn là 280.000.000đồng và tiền lãi là 69.720.000đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Nguyễn Trần T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu anh Nguyễn Chiến Q và chị Lê Thị Mộng T1 không trả số tiền trên thì hàng tháng anh Q, chị T1 phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Chiến Q và chị Lê Thị Mộng T1 phải chịu 17.486.000 đồng (*Mười bảy triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Nguyễn Trần T số tiền 8.279.000đồng (Tám triệu hai trăm bảy mươi chín ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004714 ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với anh Nguyễn Trần T, anh Nguyễn Chiến Q và chị Lê Thị Mộng T1 vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Thị Lĩnh**



